

Số: **65** /TTr-UBND

Phú Riềng, ngày **07** tháng **7** năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung
vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021**

Kính gửi:

- Thường trực Huyện ủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện về thông qua danh mục và kế hoạch đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện về thông qua danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Riềng;

UBND huyện kính trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét thông qua và HĐND huyện Khóa II, Nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ hai thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021, cụ thể:

1. Tổng kế hoạch điều chỉnh là: 245.590.500.000 đồng (kế hoạch HĐND thông qua đầu năm là 218.300.000.000 đồng), cụ thể:

1.1. Tổng kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua đầu năm:

Tổng kế hoạch vốn là: 218.300.000.000 đồng.

Trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối: 23.300.000.000 đồng.
- Vốn sử dụng đất: 165.000.000.000 đồng.
- Vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 30.000.000.000 đồng.

1.2. Tổng kế hoạch điều chỉnh năm 2021 là: 245.590.500.000 đồng.

Trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối: 23.300.000.000 đồng;



- Vốn sử dụng đất: 165.000.000.000 đồng;
- Vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 41.000.000.000 đồng.
- Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng đường GTNT: 12.873.000.000 đồng;
- Vốn Chương trình giảm 1.000 hộ ĐBDTTS nghèo: 3.417.500.000 đồng.

1.3. Số vốn chênh lệch so với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện:
245.590.500.000 đồng - 218.300.000.000 đồng = 27.290.500.000 đồng, cụ thể:

- Kinh phí xã Bù Nho về đích nông thôn mới nâng cao năm 2021: 6.000.000.000 đồng (Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh).

- Kinh phí xã Phú Riềng về đích nông thôn mới nâng cao năm 2021: 5.000.000.000 đồng (Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh).

- Kinh phí thực hiện 70km đường giao thông nông thôn: 12.873.000.000 đồng (Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh).

- Kinh phí Chương trình giảm nghèo: 3.417.500.000 đồng.

2. Chi tiết việc điều chỉnh, bổ sung với từng nguồn vốn:

2.1. Vốn đầu tư trong cân đối: 23.300.000.000 đồng (kế hoạch không thay đổi). Thay đổi nội bộ như sau:

- Tổng cắt giảm là 3.000.000.000 đồng, trong đó cắt giảm các công trình chuyển tiếp đã bố trí quá 03 năm và các công trình không có khối lượng thanh toán (tổng cộng 11 công trình).

- Tổng kế hoạch bổ sung là: 3.000.000.000 đồng, trong đó:

- + Bố trí tất toán đã quyết toán hoàn thành 01 công trình là: 903.000.000 đồng;

- + Bổ sung vốn 02 công trình khởi công mới năm 2021 là: 2.097.000.000 đồng.

- Lý do cắt giảm, bổ sung: Các công trình chuyển tiếp năm 2021 không có khối lượng thanh toán, bố trí kế hoạch vốn quá 3 năm nên cắt giảm và bổ sung vốn cho các công trình khởi công mới năm 2021 để hoàn thành công trình trong năm.

2.2. Vốn sử dụng đất: 165.000.000.000 đồng (kế hoạch sử dụng đất không thay đổi). Thay đổi nội bộ như sau:

- Tổng cắt giảm là 54.388.000.000 đồng, trong đó:

- + Số công trình cắt giảm là: 42 công trình, với tổng kế hoạch cắt giảm là: 53.137.000.000 đồng. Trong đó: 39 công trình chuyển tiếp với kế hoạch vốn cắt giảm là: 45.537.000.000 đồng và 03 công trình khởi công mới với kế hoạch vốn cắt giảm là: 7.600.000.000 đồng.

- + Số công trình điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là: 03 công trình với tổng kế hoạch vốn điều chỉnh giảm là: 1.251.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch bổ sung là: 54.388.000.000 đồng, trong đó:

+ Bố trí bổ sung 03 công trình thuộc tỉnh quyết định đầu tư (đối ứng ngân sách huyện) đã có khối lượng nhưng thiếu vốn: 40.000.000.000 đồng.

+ Bổ sung bố trí tất toán công trình (sau khi quyết toán) là: 4.000.000.000 đồng.

+ Bổ sung vốn 07 công trình khởi công mới năm 2021 là: 10.388.000.000 đồng.

- Lý do cắt giảm, bổ sung: Các công trình chuyển tiếp năm 2021 không có khối lượng thanh toán, bố trí kế hoạch vốn quá 3 năm nên cắt giảm, bổ sung vốn các công trình khởi công mới năm 2021 do bố trí chưa đủ tối thiểu để tạm ứng hợp đồng; Bố trí bổ sung các công trình thuộc tỉnh quyết định đầu tư (đối ứng ngân sách huyện) đã có khối lượng nhưng thiếu vốn.

2.3. Vốn Chương trình MTQGNTM: 41.000.000.000 đồng (không điều chỉnh).

2.4. Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng đường GTNT: 12.873.000.000 đồng (không điều chỉnh).

2.5. Vốn Chương trình giảm 1.000 hộ ĐBDTTS nghèo: 3.417.500.000 đồng (không điều chỉnh).

(Kèm theo Danh mục và kế hoạch chi tiết; Dự thảo Nghị quyết thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021)

UBND huyện kính trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Phòng TC-KH;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Thọ.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Nam

DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021 - HUYỆN PHÚ RIỀNG

(Kèm theo Tờ trình số **65** /TTr-UBND ngày **07** / **7** /2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ					876.057	239.590,5	245.590,5	63.388	57.388		
A	VỐN TÌNH PHÂN CẤP					876.057	220.591	226.591	63.388	57.388		
A1	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI					98.843	23.300	23.300	3.000	3.000		
I	Công trình chuyển tiếp					58.593	3.500	1.403	903	3.000		
I.1	Công trình giáo dục					58.593	3.500	1.403	903	3.000		
01	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mầm non Phú Riềng B	Xã Phú Riềng	06 phòng học	2019-2020	3373/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	100			100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
02	Xây dựng phòng Ban giám hiệu và hội trường Trường THCS Bù Nho	Xã Bù Nho	02 phòng lầu	2019-2020	3372/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.200	30			30	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Tiểu học Bù Nho	Xã Bù Nho	06 phòng học lầu	2019-2020	3371/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.800	180			180	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Bình Tân	08 phòng học lầu	2019-2020	3370/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	500			500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	08 phòng học lầu	2019-2020	3369/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.500	200			200	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
06	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phú Trung (điểm trường thôn Phú Bình) xã Phú Trung	Xã Phú Trung	04 phòng học lầu	2019-2020	3368/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.500	290			290	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
07	Xây dựng 08 phòng học lầu trường MG Long Tân	Xã Long Tân	08 phòng lầu	2020-2021	3163/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.500	500			500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
08	Xây dựng 04 phòng học lầu trường TH Phú Riềng B	Xã Phú Riềng	04 phòng lầu	2020-2021	3142/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.600	100			100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
09	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH&THCS Phú Trung	Xã Phú Trung	08 phòng lầu	2020-2021	3141/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	500			500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
10	Xây dựng 10 phòng học lầu trường THCS Lý Tự Trọng, xã Bình Tân	Xã Bình Tân	08 phòng lầu	2020-2021	3139/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	1.000	500		500	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Long Hà B	Xã Long Hà	08 phòng học	2020-2021	3138/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	100			100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
12	Xây dựng Trường tiểu học Long Phú	Xã Bù Nho		2016-2017	422a/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	8.993		903	903		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
II	Chuẩn bị đầu tư năm 2022					2.000	2.000	2.000	-	-		
III	Dự án khởi công mới					38.250	17.800	19.897	2.097	-		
III.1	Công trình giáo dục (Đảm bảo cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã đã hoàn thành nông thôn mới)					9.200	4.500	6.597	2.097	-		
01	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Long Hưng	Xã Long Hưng	08 phòng học lầu	2021-2022		5.000	2.500	4.100	1.600		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
02	Xây dựng 06 phòng học lầu trường TH Phú Riêng B	Xã Phú Riêng	06 phòng học lầu	2021-2022		4.200	2.000	2.497	497		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
III.2	Công trình giáo dục (Đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục tại 02 xã về đích nông thôn mới năm 2021)					28.050	12.300	12.300	-	-		
01	Xây dựng 14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ Trường THCS Long Tân	Xã Long Tân	14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		7.100	2.000	2.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
02	Xây dựng 08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ Trường Tiểu học Long Tân	Xã Long Tân	08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		5.100	2.000	2.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng 18 phòng học và công trình phụ Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	18 phòng học lầu và công trình phụ	Năm 2021		9.300	2.300	2.300	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng 02 phòng học, 04 phòng Khố hiệu bộ và các hạng mục phụ trường Mẫu giáo Long Bình	Xã Long Bình	02 phòng học trệt; 04 phòng hiệu bộ và công trình phụ	Năm 2021		3.050	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng phòng học, Khố hiệu bộ, các hạng mục phụ, Sửa chữa phòng thư viện, thiết bị, nhà công vụ Trường tiểu học Vừ A Dính	Xã Long Bình		Năm 2021		3.500	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
III.3	Khoa học công nghệ					1.000	1.000	1.000	-	-		
01	Mua sắm, đầu tư khoa học công nghệ	Toàn huyện		Năm 2021		1.000	1.000	1.000	-	-	Phòng KTHT	
A2	VỐN SỬ DỤNG ĐẤT					730.531	146.000	146.000	54.388	54.388		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Giao đầu tư xây dựng NTM(tối thiểu 30%)					66.645	52.700	52.700	-	-		
I.1	Công trình giao thông					44.697	39.892	39.892	-	-		
01	Láng nhựa đường GTNT (từ ngã ba Long Hắc đến nhà Ông Dũng)	Xã Long Tân	1,8km	Năm 2021		2.160	1.800	1.800	-	-	UBND xã Long Tân	
02	Láng nhựa đường GTNT (từ ngã ba quán Hai Lý đến nối tiếp đường 327)	Xã Long Tân	1,8km	Năm 2021		2.160	1.800	1.800	-	-	UBND xã Long Tân	
03	Láng nhựa đường GTNT (từ đường nhựa 327 hiện hữu đến nhà Thu Sương)	Xã Long Tân	01km	Năm 2021		1.200	1.000	1.000	-	-	UBND xã Long Tân	
04	Láng nhựa đường GTNT (đường 327 từ nhà Ông Thọ đến nhà Ông Toàn)	Xã Long Tân	1,4km	Năm 2021		1.680	1.500	1.500	-	-	UBND xã Long Tân	
05	Láng nhựa đường GTNT (từ Nghĩa trang nhân dân nối với đường nhựa đi thôn 3 hướng nhà Ông Bốn Xuyên)	Xã Long Tân	02km	Năm 2021		2.400	1.822	1.822	-	-	UBND xã Long Tân	
06	Láng nhựa đường GTNT (từ nhà Diễm Lan đến đường BTXM hiện hữu)	Xã Long Tân	1,7km	Năm 2021		2.040	1.600	1.600	-	-	UBND xã Long Tân	
07	Tuyến đường GT thôn 1 (từ nhà Ông Quân đến nhà Đào Vị)	Xã Long Tân	0,32km	Năm 2021		271	196	196	-	-	UBND xã Long Tân	
08	Tuyến đường GT thôn 2 (từ nhà Ông Thiện đến nhà Ông Thắng)	Xã Long Tân	0,7km	Năm 2021		816	571	571	-	-	UBND xã Long Tân	
09	Tuyến đường GT thôn 4 (từ ngã ba Hai Lý qua suối đá)	Xã Long Tân	0,9km	Năm 2021		1.048	734	734	-	-	UBND xã Long Tân	
10	Tuyến đường GT các tuyến thôn 5 và thôn 4	Xã Long Tân	1,5km	Năm 2021		1.269	919	919	-	-	UBND xã Long Tân	
11	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn thôn 3 (từ nhà Chương Hy đến ngã ba Chín Tuyền, từ nhà Xuân Ca đến dốc nhà Ông Nhất)	Xã Long Tân	2km	Năm 2021		400	360	360	-	-	UBND xã Long Tân	
12	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn thôn 4 (từ Lô Nông Trường đến nhà Ông Hải)	Xã Long Tân	0.6km	Năm 2021		120	100	100	-	-	UBND xã Long Tân	
13	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn tổ 2, thôn 5 (từ nhà Ông Hồi đến hết tổ 2 thôn 6)	Xã Long Tân	3km	Năm 2021		600	540	540	-	-	UBND xã Long Tân	
14	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn tổ 2, thôn 7 (từ nhà Châu Sương đến nhà Ông Ba Khoa)	Xã Long Tân	2km	Năm 2021		400	360	360	-	-	UBND xã Long Tân	
15	Nhựa hóa đường liên xã Long Bình đi Long Hưng (qua thôn 6 và thôn 11)	Xã Long Bình	3,3km	Năm 2021		6.501	6.000	6.000	-	-	UBND xã Long Bình	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 4 và thôn 3)	Xã Long Bình	3,15km	Năm 2021		4.725	4.700	4.700	-	-	UBND xã Long Bình	
17	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 7 và thôn 3	Xã Long Bình	3,32km	Năm 2021		4.980	4.900	4.900	-	-	UBND xã Long Bình	
18	Tuyến giao thông kết nối đường DT757B và đường liên xã đi Bình Sơn (qua thôn 5)	Xã Long Bình	1,4km	Năm 2021		2.350	2.300	2.300	-	-	UBND xã Long Bình	
19	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 6 và thôn 9	Xã Long Bình	1,3km	Năm 2021		1.950	1.902	1.902	-	-	UBND xã Long Bình	
20	Nâng cấp trục đường chính trung tâm xã DT757B, xây mương kén 02 bên đường	Xã Long Bình	0,5km	Năm 2021		3.504	3.500	3.500	-	-	UBND xã Long Bình	
21	Đường BTXM thôn 9 (Đoạn 1: Từ cầu Thanh niên đến nhà bà Nguyễn Thị Bân; Đoạn 2: Từ nhà ông Trịnh Sư Minh đến nhà ông Phạm Tiến Sáng)	Xã Long Bình	1,85km	Năm 2021		1.229	1.229	1.229	-	-	UBND xã Long Bình	
22	Đường BTXM thôn 10 (Đoạn 1: Từ nhà ông Lý Oanh đến khu đồng bào S'tiêng; Đoạn 2: Từ trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến nhà ông Vi Văn Gia; Đoạn 3: Từ nhà bà Bằng Thị Hạnh đến nhà ông Hoàng Văn Chanh)	Xã Long Bình	1,98km	Năm 2021		1.308	1.308	1.308	-	-	UBND xã Long Bình	
23	Đường BTXM thôn 5 (Đoạn 1: Từ nhà ông Thùng Lý Sáng đến ngã 3 nhà ông Dương Mập và ông Năm Tánh; Đoạn 2: Từ ngã 3 ông Năm Tánh đến nhà ông Lưu Phúc Kiên; Đoạn 3: Từ nhà ông Phạm Văn Khánh đến ngã 3 cầu Sắt)	Xã Long Bình	2,4km	Năm 2021		1.586	751	751	-	-	UBND xã Long Bình	
I.2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo					9.300	1.300	1.300	-	-		
01	Xây dựng 18 phòng lều và công trình phụ Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	18 phòng học lều và công trình phụ	Năm 2021		9.300	1.300	1.300	-	-	Ban QLDAXD huyện	
I.3	Lĩnh vực QLNN					3.500	3.500	3.500	-	-		
01	Xây dựng Hội trường UBND xã và Nhà làm việc Công an xã	Xã Long Tân		Năm 2021		3.000	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
02	Sửa chữa trụ sở UBND xã, phòng một cửa, phòng tiếp dân	Xã Long Tân		Năm 2021		500	500	500	-	-	UBND xã Long Tân	
I.4	Lĩnh vực văn hoá					7.586	7.227	7.227	-	-		
01	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		630	585	585	-	-	UBND xã Long Tân	
02	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		770	682	682	-	-	UBND xã Long Tân	
03	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 3, thôn 6 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		677	607	607	-	-	UBND xã Long Tân	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
04	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		560	536	536	-	-	UBND xã Long Tân	
05	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		582	551	551	-	-	UBND xã Long Tân	
06	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		737	636	636	-	-	UBND xã Long Tân	
07	Xây dựng hàng rào Trung tâm Văn hóa Thể thao xã	Xã Long Tân		Năm 2021		1.000	1.000	1.000	-	-	UBND xã Long Tân	
08	Xây dựng cổng, hàng rào, mở rộng nhà văn hóa trung tâm xã	Xã Long Bình		Năm 2021		1.000	1.000	1.000	-	-	UBND xã Long Bình	
09	Xây dựng Nhà văn hóa và các công trình phụ 11 thôn (Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, 09 nhà vệ sinh, 09 giếng nước)	Xã Long Bình		Năm 2021		1.630	1.630	1.630	-	-	UBND xã Long Bình	
I.5	Lĩnh vực môi trường					1.562	781	781	-	-		
01	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã	Xã Long Bình		Năm 2021		1.562	781	781	-	-	UBND xã Long Bình	
II	GIAO ĐẦU TƯ XDCB					663.886	93.300	93.300	54.388	54.388		
II.1	Công trình chuyển tiếp					560.533	64.537	61.949	44.000	46.588		
II.1.1	Công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật					311.133	55.637	11.949	-	43.688		
01	Xây dựng hệ thống điện đường Tân Phú 1, D5a, D6 Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,433km	2018-2019	3428/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.600	100	-		100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
02	Xây dựng hệ thống điện đường D9, D6, D5a Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,593km	2018-2019	3426/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.200	700	-		700	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng hệ thống thoát nước đường gom TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2018-2019	3432G/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.000	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 5 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3357/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.607	1.500	-		1.500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 4 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3355/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.211	1.467	-		1.467	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
06	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 3 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3353/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.284	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
07	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 2 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3351/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.249	300	-		300	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
08	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 1 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3349/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.209	200	-		200	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
09	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường N6 (từ TH-TB đến ĐT 741), D3a, D3b, D3c, D3d trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,672km	2019-2020	3347/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.354	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
10	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường N2a (từ ĐT 741 - D7), N3, N4d, D6d, D6e trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,480km	2019-2020	3343/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.836	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
11	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D7, D6b, D6c trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,481km	2019-2020	3346/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.152	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
12	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (từ N3a - N4 + 76; từ TP1 - N6), N4a, N4 (từ ĐT 741 - D7), D5a (từ N4 - N4+100), D5c (từ TP1 - N6), N6 (từ D5c - D6) trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,704km	2019-2020	3345/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.998	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
13	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (từ N2a - N3a), N4c, N3a (từ ĐT 741 - D7), N4b trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,502km	2019-2020	3344/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.628	1.000	1.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
14	Xây dựng vỉa hè và cây xanh đường Tân Phú 1 (từ ĐT 741 - D6), D9 (từ ĐT 741 - D6), D6 (từ TP1 - N4), D5a (từ TP1 - N4) khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2018-2019	3432L/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.291	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
15	Xây dựng hệ thống viễn thông TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	TTHC huyện		2020-2022	3159/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.876	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
16	Xây dựng hệ thống viễn thông	TTHC huyện		2019-2020	3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.920	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
17	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 5 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3356/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.061	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
18	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 4 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3354/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.717	3.000	2.562		438	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh
19	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 3 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3352/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.222	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
20	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 2 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3350/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.147	150	-		150	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
21	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 1 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3348/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.072	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
22	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường ĐT.741 đoạn qua trung tâm hành chính huyện Phú Riềng (dải phân cách 2m)	TTHC huyện	2km	2020-2021	3129/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5.500	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
23	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	TTHC huyện		2020-2022	3126/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	8.000	1.000			1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
24	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy	TTHC huyện		2019-2020	3380/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.957	950			950	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
25	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Tân Phú 1 (từ ĐT 741 - TBTH) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,85km	2020-2021	3125/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.900	3.000			3.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
26	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6 (từ N6 - N7), N6 (từ ĐT 741 - D5c; D6 - D9), D3e TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,78km	2020-2021	3156/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.000	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
27	Xây dựng đường Tân Phú 1, D5a, D6 Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,433km	2018-2019	3427/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.300	2.000			2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
28	Xây dựng đường N7a, N7b TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,793km	2018-2019	3431/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	12.421	1.800			1.800	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
29	Xây dựng đường N7 nối dài TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,315km	2018-2019	3432/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.820	570			570	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
30	Xây dựng đường N6 (D6-D9), D6a, D9(D6-D7) và san lấp mặt bằng khu suối Rạt TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3157/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.000	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
31	Xây dựng đường N4(từ ĐT741 - D7)	TTHC huyện	354m	2018-2020	3432c/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.500	700			700	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
32	Xây dựng đường kết nối từ đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng huyện Hớn Quản			2020-2023	1043/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	9.000	3.000	2.387		613	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh
33	Xây dựng đường gom TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	1,45km	2018-2019	3432F/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	11.750	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
34	Xây dựng đường D6c (từ N4a - N4)	TTHC huyện	264m	2018-2020	3432d/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.200	1.000			1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
35	Xây dựng đường D6, D5a (nối tiếp khu TĐC) TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,458km	2018-2019	3430/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	12.810	5.000			5.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
36	Xây dựng đường D5c (từ Tân Phú 1 -N6), N6 (từ D5c -D6), D6 (từ N6 - Tân Phú 1)	TTHC huyện	390m	2018-2020	3432E/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.500	200			200	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
37	San lấp mặt bằng và xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát đường D3, Tân Phú khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,480km	2019-2020	3379/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.341	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
38	San lấp mặt bằng và xây dựng đường nội bộ trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,755km	2020-2021	3128/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	12.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
39	San lấp mặt bằng và xây dựng đường D9, D6, D5a Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,593km	2018-2019	3425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.500	3.000			3.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
II.1.2	Quản lý nhà nước					74.400	8.900	22.000	16.000	2.900		
01	Xây dựng trụ sở tiếp công dân và bộ phận tiếp nhận hồ sơ Một cửa huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3165/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.000	2.000	2.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	TTHC huyện		2020-2021	3170/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng hệ thống chiếu sáng sân vườn trong khu Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3169/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng hệ thống cây xanh trong khu Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện	30.300m2	2020-2021	3167/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.000	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng hệ thống cấp thoát nước tổng thể sân vườn Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3168/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
06	Xây dựng công, hàng rào vòng quanh Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện	900m	2020-2021	3166/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.400	400	-		400	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
07	Trụ sở huyện ủy, Trụ sở HĐND - UBND, Hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	TTHC Huyện		2017-2020		43.000	4.000	20.000	16.000		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
II.1.3	Đối ứng ngân sách tỉnh					175.000	-	24.000	24.000	-		
01	Trường cấp II, III Long Phú huyện Phú Riềng	TTHC Huyện		2019-2025	2246/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	80.000	-	15.000	15.000		UBND huyện	Bổ sung

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
02	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	Bù Nho - Phước Tân	14,939km		1174/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	95.000		9.000	9.000		UBND huyện	Bổ sung
II.1.4	Bổ trí tất toán công trình	Toàn huyện						4.000	4.000		Phòng TC-KH phân khai chi tiết	
II.2	Dự án khởi công mới					103.353	28.763	31.351	10.388	7.800		
II.2.1	Công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật (Tạo quỹ đất sạch phục vụ bán đấu giá SDD)					70.190	23.600	26.200	9.400	6.800		
01	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,565km	2021-2025		8.000	3.000	4.600	1.600		Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D9 (từ D7 - km0+906,3) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,48km	2021-2025		7.000	3.000	4.000	1.000		Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, trạm biến áp khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		8.100	2.500	4.500	2.000		Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		6.700	2.000	3.500	1.500		Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	TTHC huyện		2021-2025		2.000	1.000	1.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng hệ thống viễn thông TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	TTHC huyện		2021-2025		1.300	1.000	800		200	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh
07	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường N8 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,72km	2021-2025		14.590	4.000	-		4.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
08	San lấp mặt bằng khu suối Rạt TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	TTHC huyện		2021-2025		5.000	1.500	2.800	1.300		Ban QLDAXD huyện	
09	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường gom (đoạn 2) và đường ĐT.741 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		9.000	3.000	5.000	2.000		Ban QLDAXD huyện	
10	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D10a, D10b, D10c, D10d, D10e TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,67km	2021-2025		8.500	2.600			2.600	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
II.2.2	Công trình công cộng					25.000	1.000	-		1.000		
01	Xây dựng công viên - Quảng trường trung tâm huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		25.000	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
II.2.3	Giải tỏa đền bù					5.000	1.000	1.988	988	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
01	Chi phí giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án mở rộng đầu tuyến Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	Bù Nho - Phước Tân		Năm 2021		5.000	1.000	1.988	988		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
II.2.4	Vốn sử dụng đất phân cấp các xã			Năm 2021		3.163	3.163	3.163	-	-		
01	Xã Phú Riềng					3.163	3.163	3.163	-	-		
A3	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQGNTM					43.265	47.873	53.873	6.000	-		
I	Hỗ trợ xã về đích nông thôn mới năm 2021					43.265	30.000	30.000	-	-		
I.1	Công trình giao thông					8.001	5.442	5.442	-	-		
01	Đường BTXM thôn 9 (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng Ngọc Lý đến nhà ông Chu Quang Hôi; Đoạn 2: Từ nhà ông Lưu Văn Giang đến nhà Văn hóa thôn 9; Đoạn 3: Từ nhà ông Ma Văn Sơn đến nhà ông Bế Văn Tảo)	Xã Long Bình	0,83km	Năm 2021		549	549	549	-	-	UBND xã Long Bình	
02	Đường BTXM thôn 4 (Từ nhà ông Thường đến hết đường)	Xã Long Bình	0,165km	Năm 2021		109	109	109	-	-	UBND xã Long Bình	
03	Đường thôn 8 (Từ nhà ông Dương Văn Tinh đến nhà ông Lý A Sáng)	Xã Long Bình	0,7km	Năm 2021		463	463	463	-	-	UBND xã Long Bình	
04	Đường thôn 6 (Từ nhà ông Đặng Văn Chiến đến vườn nhà ông Văn)	Xã Long Bình	0,15km	Năm 2021		100	100	100	-	-	UBND xã Long Bình	
05	Đường BTXM thôn 5 (Đoạn 1: Từ nhà ông Thùng Lý Sáng đến ngã 3 nhà ông Dương Mập và ông Năm Tánh ; Đoạn 2: Từ ngã 3 ông Năm Tánh đến nhà ông Lưu Phúc Kiên; Đoạn 3: Từ nhà ông Phạm Văn Khánh đến ngã 3 cầu Sắt)	Xã Long Bình	2,4km	Năm 2021		1.586	836	836	-	-	UBND xã Long Bình	
06	Đường BTXM thôn 2 (Đoạn 1: Từ nhà ông Phúc đến nhà ông Đê; Đoạn 2: Từ nhà ông Hào Sáu đến nhà ông Phúc)	Xã Long Bình	0,565km	Năm 2021		262	157	157	-	-	UBND xã Long Bình	
07	Đường BTXM thôn 2 (từ đường nhựa gần nhà ông Mão đi qua lô 07 và lô 49 đến vườn nhà ông Tinh Lương)	Xã Long Bình	0,25km	Năm 2021		116	70	70	-	-	UBND xã Long Bình	
08	Đường BTXM thôn 4 (Từ lô cao su Nông trường 3 đến nhà ông Năm Đáng)	Xã Long Bình	0,34km	Năm 2021		226	144	144	-	-	UBND xã Long Bình	
09	Đường BTXM thôn 11 (xóm 3 từ đường nhựa qua nhà ông Ngải đến Suối)	Xã Long Bình	2,5km	Năm 2021		1.651	1.052	1.052	-	-	UBND xã Long Bình	
10	Đường BTXM thôn 4 (từ nhà ông Văn Phong đến nhà ông Lãi)	Xã Long Bình	02km	Năm 2021		1.321	842	842	-	-	UBND xã Long Bình	
11	Đường BTXM thôn 2 (từ đường nhựa qua nhà bà Lương đến nhà ông Liêm Hồng)	Xã Long Bình	0,3km	Năm 2021		198	126	126	-	-	UBND xã Long Bình	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội đồng thôn 10 (ngã 3 nhà bà Nguyễn Thị Kim Ba đến suối Thanh Niên)	Xã Long Bình	03km	Năm 2021		1.200	840	840	-	-	UBND xã Long Bình	
13	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội đồng thôn 11 (từ Ngã 3 nhà ông Ngải đến Suối Thanh niên)	Xã Long Bình	0,55km	Năm 2021		220	154	154	-	-	UBND xã Long Bình	
I.2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo					35.264	24.558	24.558	-	-		
01	Xây dựng 14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ Trường THCS Long Tân	Xã Long Tân	14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		7.100	5.100	5.100	-	-	Ban QLDA XD huyện	
02	Xây dựng 08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ Trường Tiểu học Long Tân	Xã Long Tân	08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		5.100	3.100	3.100	-	-	Ban QLDA XD huyện	
03	Xây dựng 18 phòng lầu và công trình phụ Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	18 phòng học lầu và công trình phụ	Năm 2021		9.300	5.700	5.700	-	-	Ban QLDA XD huyện	
04	Xây dựng 04 phòng chức năng và công trình phụ Trường mẫu giáo Long Tân	Xã Long Tân	04 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		1.100	1.100	1.100	-	-	Ban QLDA XD huyện	
05	Xây dựng phòng học, Khô hiệu bộ, các hạng mục phụ, Sửa chữa phòng thư viện, thiết bị, nhà công vụ Trường tiểu học Vũ A Dính	Xã Long Bình		Năm 2021		3.500	400	400	-	-	Ban QLDA XD huyện	
06	Xây dựng phòng học, phòng Hội đồng và công trình phụ Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Xã Long Bình		Năm 2021		2.764	2.758	2.758	-	-	Ban QLDA XD huyện	
07	Xây mới 08 phòng học lầu Trường trung học cơ sở Long Bình	Xã Long Bình	08 phòng học lầu	Năm 2021		5.300	5.300	5.300	-	-	Ban QLDA XD huyện	
08	Xây dựng 01 phòng chức năng và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Long Bình	01 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		1.100	1.100	1.100	-	-	Ban QLDA XD huyện	
II	Hỗ trợ đường GTNT	Toàn huyện		Năm 2021			12.873	12.873	-	-		
III	Hỗ trợ xã về dịch nông thôn mới nâng cao						5.000	11.000	6.000	-		
01	Xã Phú Riềng	Xã Phú Riềng		Năm 2021			5.000	5.000	-	-		
02	Xã Bù Nho	Xã Bù Nho		Năm 2021				6.000	6.000			
A4	VỐN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO					3.418	3.417,5	3.417,5	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Hỗ trợ giảm 30 hộ D(BDTTS nghèo					2.248	2.248	2.248	-	-		
01	Ủy ban MTTQVN huyện					885	885	885	-	-		
1.1	Sửa chữa nhà ở					510	510	510	-	-		
1.2	Xây dựng nhà vệ sinh					375	375	375	-	-		
02	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					675	675	675	-	-		
2.1	Hỗ trợ nông cụ dụng cụ					155	155	155	-	-		
2.2	Hỗ trợ con giống					520	520	520	-	-		
03	Xã Bình Sơn					70	70	70	-	-		
3.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)					60	60	60	-	-		
3.2	Mua xe máy					10	10	10	-	-		
04	Xã Long Bình					33,5	33,5	33,5	-	-		
4.1	Nước sinh hoạt (đào giếng)					30,0	30,0	30,0	-	-		
4.2	Kéo điện (điện lưới)					3,5	3,5	3,5	-	-		
05	Xã Long Tân			Năm 2021		150	150	150	-	-		
5.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)			Năm 2021		150	150	150	-	-		
06	Xã Phước Tân			Năm 2021		280,5	280,5	280,5	-	-		
6.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)			Năm 2021		270	270	270	-	-		
6.2	Kéo điện (điện lưới)			Năm 2021		10,5	10,5	10,5	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
07	Xã Phú Trung			Năm 2021		120	120	120	-	-		
7.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)			Năm 2021		120	120	120	-	-		
08	Xã Long Hà			Năm 2021		33,5	33,5	33,5	-	-		
8.1	Nước sinh hoạt (Đào giếng)			Năm 2021		30	30	30	-	-		
8.2	Kéo điện (điện lưới)			Năm 2021		3,5	3,5	3,5	-	-		
II	Mô hình giảm nghèo					1.170	1.170	1.170	-	-	Phòng NV,LĐTBXH	
B	VỐN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN GIAO					-	19.000	19.000	-	-		
I	Vốn sử dụng đất phân cấp các xã						19.000	19.000	-	-		
01	Xã Phước Tân			Năm 2021			2.655,2	2.655,2	-	-		
02	Xã Long Hưng			Năm 2021			480	480	-	-		
03	Xã Long Bình			Năm 2021			440	440	-	-		
04	Xã Long Hà			Năm 2021			480	480	-	-		
05	Xã Bù Nho			Năm 2021			7.775,2	7.775,2	-	-		
06	Xã Phú Riềng			Năm 2021			3.040	3.040	-	-		
07	Xã Phú Trung			Năm 2021			480	480	-	-		
08	Xã Long Tân			Năm 2021			2.000	2.000	-	-		
09	Xã Bình Sơn			Năm 2021			849,6	849,6	-	-		
10	Xã Bình Tân			Năm 2021			800	800	-	-		



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG**

Số: NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Riềng, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung
vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG
KHOÁ II, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện về thông qua danh mục và kế hoạch đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện về thông qua danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Riềng;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../2021; Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện tại Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND-KTXH ngày/...../2021 và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2021, với các nội dung sau:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung là: 245.590.500.000 đồng, trong đó:

1. Vốn đầu tư trong cân đối: 23.300.000.000 đồng.
2. Vốn sử dụng đất: 165.000.000.000 đồng.
3. Vốn Chương trình MTQGNTM: 53.873.000.000 đồng.
4. Vốn Chương trình giảm nghèo: 3.417.500.000 đồng.

(Danh mục và kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, giao Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện để xem xét, điều chỉnh theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Riềng khóa II, kỳ họp thứ hai thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- TTHU, TT HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện, Kho bạc nhà nước;
- Chi Cục thuế khu vực;
- Các Phòng ban chuyên môn;
- TT.HĐND, UBND các xã;
- Đăng Website huyện;
- Lưu: VT, Thọ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Soài

**DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021 - HUYỆN PHÚ RIỀNG***(Kèm theo Nghị quyết số**/NQ-HĐND ngày**/2021 của HĐND huyện)***Đơn vị tính: Triệu đồng**

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ					876.057	239.590,5	245.590,5	63.388	57.388		
A	VỐN TÌNH PHÂN CẤP					876.057	220.591	226.591	63.388	57.388		
A1	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI					98.843	23.300	23.300	3.000	3.000		
I	Công trình chuyển tiếp					58.593	3.500	1.403	903	3.000		
I.1	Công trình giáo dục					58.593	3.500	1.403	903	3.000		
01	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mầm non Phú Riềng B	Xã Phú Riềng	06 phòng học	2019-2020	3373/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	100			100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
02	Xây dựng phòng Ban giám hiệu và hội trường Trường THCS Bù Nho	Xã Bù Nho	02 phòng lầu	2019-2020	3372/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.200	30			30	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Tiểu học Bù Nho	Xã Bù Nho	06 phòng học lầu	2019-2020	3371/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.800	180			180	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Bình Tân	08 phòng học lầu	2019-2020	3370/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	500			500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	08 phòng học lầu	2019-2020	3369/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.500	200			200	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
06	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phú Trung (điểm trường thôn Phú Bình) xã Phú Trung	Xã Phú Trung	04 phòng học lầu	2019-2020	3368/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.500	290			290	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
07	Xây dựng 08 phòng học lầu trường MG Long Tân	Xã Long Tân	08 phòng lầu	2020-2021	3163/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.500	500			500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
08	Xây dựng 04 phòng học lầu trường TH Phú Riềng B	Xã Phú Riềng	04 phòng lầu	2020-2021	3142/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.600	100			100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
09	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH&THCS Phú Trung	Xã Phú Trung	08 phòng lầu	2020-2021	3141/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	500			500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
10	Xây dựng 10 phòng học lầu trường THCS Lý Tự Trọng, xã Bình Tân	Xã Bình Tân	08 phòng lầu	2020-2021	3139/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	1.000	500		500	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Long Hà B	Xã Long Hà	08 phòng lầu	2020-2021	3138/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	100			100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
12	Xây dựng Trường tiểu học Long Phú	Xã Bù Nho		2016-2017	422a/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	8.993		903	903		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
II	Chuẩn bị đầu tư năm 2022					2.000	2.000	2.000	-	-		
III	Dự án khởi công mới					38.250	17.800	19.897	2.097	-		
III.1	Công trình giáo dục (Đảm bảo cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã đã hoàn thành nông thôn mới)					9.200	4.500	6.597	2.097	-		
01	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Long Hưng	Xã Long Hưng	08 phòng học lầu	2021-2022		5.000	2.500	4.100	1.600		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
02	Xây dựng 06 phòng học lầu trường TH Phú Riềng B	Xã Phú Riềng	06 phòng học lầu	2021-2022		4.200	2.000	2.497	497		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
III.2	Công trình giáo dục (Đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục tại 02 xã về đích nông thôn mới năm 2021)					28.050	12.300	12.300	-	-		
01	Xây dựng 14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ Trường THCS Long Tân	Xã Long Tân	14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		7.100	2.000	2.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
02	Xây dựng 08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ Trường Tiểu học Long Tân	Xã Long Tân	08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		5.100	2.000	2.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng 18 phòng lầu và công trình phụ Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	18 phòng học lầu và công trình phụ	Năm 2021		9.300	2.300	2.300	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng 02 phòng học, 04 phòng Khôi hiệu bộ và các hạng mục phụ trường Mẫu giáo Long Bình	Xã Long Bình	02 phòng học trệt; 04 phòng hiệu bộ và công trình phụ	Năm 2021		3.050	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng phòng học, Khôi hiệu bộ, các hạng mục phụ, Sửa chữa phòng thư viện, thiết bị, nhà công vụ Trường tiểu học Vừ A Dính	Xã Long Bình		Năm 2021		3.500	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
III.3	Khoa học công nghệ					1.000	1.000	1.000	-	-		
01	Mua sắm, đầu tư khoa học công nghệ	Toàn huyện		Năm 2021		1.000	1.000	1.000	-	-	Phòng KTHT	
A2	VỐN SỬ DỤNG ĐẤT					730.531	146.000	146.000	54.388	54.388		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Giao đầu tư xây dựng NTM(tối thiểu 30%)					66.645	52.700	52.700	-	-		
I.1	Công trình giao thông					44.697	39.892	39.892	-	-		
01	Láng nhựa đường GTNT (từ ngã ba Long Hăng đến nhà Ông Dũng)	Xã Long Tân	1,8km	Năm 2021		2.160	1.800	1.800	-	-	UBND xã Long Tân	
02	Láng nhựa đường GTNT (từ ngã ba quán Hai Lý đến nối tiếp đường 327)	Xã Long Tân	1,8km	Năm 2021		2.160	1.800	1.800	-	-	UBND xã Long Tân	
03	Láng nhựa đường GTNT (từ đường nhựa 327 hiện hữu đến nhà Thu Sương)	Xã Long Tân	01km	Năm 2021		1.200	1.000	1.000	-	-	UBND xã Long Tân	
04	Láng nhựa đường GTNT (đường 327 từ nhà Ông Thọ đến nhà Ông Toàn)	Xã Long Tân	1,4km	Năm 2021		1.680	1.500	1.500	-	-	UBND xã Long Tân	
05	Láng nhựa đường GTNT (từ Nghĩa trang nhân dân nối với đường nhựa đi thôn 3 hướng nhà Ông Bốn Xuyên)	Xã Long Tân	02km	Năm 2021		2.400	1.822	1.822	-	-	UBND xã Long Tân	
06	Láng nhựa đường GTNT (từ nhà Điểm Lan đến đường BTXM hiện hữu)	Xã Long Tân	1,7km	Năm 2021		2.040	1.600	1.600	-	-	UBND xã Long Tân	
07	Tuyến đường GT thôn 1 (từ nhà Ông Quân đến nhà Đào Vị)	Xã Long Tân	0,32km	Năm 2021		271	196	196	-	-	UBND xã Long Tân	
08	Tuyến đường GT thôn 2 (từ nhà Ông Thiện đến nhà Ông Thắng)	Xã Long Tân	0,7km	Năm 2021		816	571	571	-	-	UBND xã Long Tân	
09	Tuyến đường GT thôn 4 (từ ngã ba Hai Lý qua suối đá)	Xã Long Tân	0,9km	Năm 2021		1.048	734	734	-	-	UBND xã Long Tân	
10	Tuyến đường GT các tuyến thôn 5 và thôn 4	Xã Long Tân	1,5km	Năm 2021		1.269	919	919	-	-	UBND xã Long Tân	
11	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn thôn 3 (từ nhà Chương Hy đến ngã ba Chín Tuyển, từ nhà Xuân Ca đến dốc nhà Ông Nhất)	Xã Long Tân	2km	Năm 2021		400	360	360	-	-	UBND xã Long Tân	
12	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn thôn 4 (từ Lô Nông Trường đến nhà Ông Hải)	Xã Long Tân	0.6km	Năm 2021		120	100	100	-	-	UBND xã Long Tân	
13	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn tổ 2, thôn 5 (từ nhà Ông Hoi đến hết tổ 2 thôn 6)	Xã Long Tân	3km	Năm 2021		600	540	540	-	-	UBND xã Long Tân	
14	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn tổ 2, thôn 7 (từ nhà Châu Sương đến nhà Ông Ba Khoa)	Xã Long Tân	2km	Năm 2021		400	360	360	-	-	UBND xã Long Tân	
15	Nhựa hóa đường liên xã Long Bình đi Long Hưng (qua thôn 6 và thôn 11)	Xã Long Bình	3,3km	Năm 2021		6.501	6.000	6.000	-	-	UBND xã Long Bình	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 4 và thôn 3)	Xã Long Bình	3,15km	Năm 2021		4.725	4.700	4.700	-	-	UBND xã Long Bình	
17	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 7 và thôn 3	Xã Long Bình	3,32km	Năm 2021		4.980	4.900	4.900	-	-	UBND xã Long Bình	
18	Tuyến giao thông kết nối đường ĐT757B và đường liên xã đi Bình Sơn (qua thôn 5)	Xã Long Bình	1,4km	Năm 2021		2.350	2.300	2.300	-	-	UBND xã Long Bình	
19	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 6 và thôn 9	Xã Long Bình	1,3km	Năm 2021		1.950	1.902	1.902	-	-	UBND xã Long Bình	
20	Nâng cấp trục đường chính trung tâm xã DT757B, xây mương kín 02 bên đường	Xã Long Bình	0,5km	Năm 2021		3.504	3.500	3.500	-	-	UBND xã Long Bình	
21	Đường BTXM thôn 9 (Đoạn 1: Từ cầu Thanh niên đến nhà bà Nguyễn Thị Bàn; Đoạn 2: Từ nhà ông Trịnh Sư Minh đến nhà ông Phạm Tiến Sáng)	Xã Long Bình	1,85km	Năm 2021		1.229	1.229	1.229	-	-	UBND xã Long Bình	
22	Đường BTXM thôn 10 (Đoạn 1: Từ nhà ông Lý Oanh đến khu đồng bào Sĩtiêng; Đoạn 2: Từ trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến nhà ông Vi Văn Gia; Đoạn 3: Từ nhà bà Bằng Thị Hạnh đến nhà ông Hoàng Văn Chanh)	Xã Long Bình	1,98km	Năm 2021		1.308	1.308	1.308	-	-	UBND xã Long Bình	
23	Đường BTXM thôn 5 (Đoạn 1: Từ nhà ông Thùng Lý Sáng đến ngã 3 nhà ông Dương Mập và ông Năm Tánh; Đoạn 2: Từ ngã 3 ông Năm Tánh đến nhà ông Lưu Phúc Kiên; Đoạn 3: Từ nhà ông Phạm Văn Khánh đến ngã 3 cầu Sắt)	Xã Long Bình	2,4km	Năm 2021		1.586	751	751	-	-	UBND xã Long Bình	
I.2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo					9.300	1.300	1.300	-	-		
01	Xây dựng 18 phòng lầu và công trình phụ Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	18 phòng học lầu và công trình phụ	Năm 2021		9.300	1.300	1.300	-	-	Ban QLĐXD huyện	
I.3	Lĩnh vực QLNN					3.500	3.500	3.500	-	-		
01	Xây dựng Hội trường UBND xã và Nhà làm việc Công an xã	Xã Long Tân		Năm 2021		3.000	3.000	3.000	-	-	Ban QLĐXD huyện	
02	Sửa chữa trụ sở UBND xã, phòng một cửa, phòng tiếp dân	Xã Long Tân		Năm 2021		500	500	500	-	-	UBND xã Long Tân	
I.4	Lĩnh vực văn hoá					7.586	7.227	7.227	-	-		
01	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		630	585	585	-	-	UBND xã Long Tân	
02	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		770	682	682	-	-	UBND xã Long Tân	
03	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 3, thôn 6 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		677	607	607	-	-	UBND xã Long Tân	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
04	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		560	536	536	-	-	UBND xã Long Tân	
05	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		582	551	551	-	-	UBND xã Long Tân	
06	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 và công trình phụ	Xã Long Tân		Năm 2021		737	636	636	-	-	UBND xã Long Tân	
07	Xây dựng hàng rào Trung tâm Văn hóa Thể thao xã	Xã Long Tân		Năm 2021		1.000	1.000	1.000	-	-	UBND xã Long Tân	
08	Xây dựng công, hàng rào, mở rộng nhà văn hóa trung tâm xã	Xã Long Bình		Năm 2021		1.000	1.000	1.000	-	-	UBND xã Long Bình	
09	Xây dựng Nhà văn hóa và các công trình phụ 11 thôn (Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, 09 nhà vệ sinh, 09 giếng nước)	Xã Long Bình		Năm 2021		1.630	1.630	1.630	-	-	UBND xã Long Bình	
I.5	Lĩnh vực môi trường					1.562	781	781	-	-		
01	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã	Xã Long Bình		Năm 2021		1.562	781	781	-	-	UBND xã Long Bình	
II	GIAO ĐẦU TƯ XDCB					663.886	93.300	93.300	54.388	54.388		
II.1	Công trình chuyển tiếp					560.533	64.537	61.949	44.000	46.588		
II.1.1	Công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật					311.133	55.637	11.949	-	43.688		
01	Xây dựng hệ thống điện đường Tân Phú 1, D5a, D6 Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,433km	2018-2019	3428/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.600	100	-		100	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
02	Xây dựng hệ thống điện đường D9, D6, D5a Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,593km	2018-2019	3426/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.200	700	-		700	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng hệ thống thoát nước đường gom TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2018-2019	3432G/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.000	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 5 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3357/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.607	1.500	-		1.500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 4 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3355/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.211	1.467	-		1.467	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
06	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 3 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3353/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.284	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
07	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 2 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3351/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.249	300	-		300	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
08	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 1 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3349/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.209	200	-		200	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
09	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường N6 (từ TH-TB đến ĐT 741), D3a, D3b, D3c, D3d trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,672km	2019-2020	3347/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.354	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
10	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường N2a (từ ĐT 741 - D7), N3, N4d, D6d, D6e trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,480km	2019-2020	3343/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.836	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
11	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D7, D6b, D6c trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,481km	2019-2020	3346/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.152	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
12	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (từ N3a - N4 + 76; từ TP1 - N6), N4a, N4 (từ ĐT 741 - D7), D5a (từ N4 - N4+100), D5c (từ TP1 - N6), N6 (từ D5c - D6) trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,704km	2019-2020	3345/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.998	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
13	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (từ N2a - N3a), N4c, N3a (từ ĐT 741 - D7), N4b trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,502km	2019-2020	3344/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.628	1.000	1.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
14	Xây dựng vỉa hè và cây xanh đường Tân Phú 1 (từ ĐT 741 - D6), D9 (từ ĐT 741 - D6), D6 (từ TP1 - N4), D5a (từ TP1 - N4) khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2018-2019	3432L/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.291	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
15	Xây dựng hệ thống viễn thông TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	TTHC huyện		2020-2022	3159/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.876	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
16	Xây dựng hệ thống viễn thông	TTHC huyện		2019-2020	3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.920	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
17	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 5 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3356/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.061	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
18	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 4 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3354/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.717	3.000	2.562		438	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh
19	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 3 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3352/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.222	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
20	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 2 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3350/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.147	150	-		150	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
21	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 1 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2019-2020	3348/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.072	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
22	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường ĐT.741 đoạn qua trung tâm hành chính huyện Phú Riềng (dài phân cách 2m)	TTHC huyện	2km	2020-2021	3129/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5.500	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
23	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	TTHC huyện		2020-2022	3126/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	8.000	1.000			1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
24	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy	TTHC huyện		2019-2020	3380/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.957	950			950	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
25	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Tân Phú 1 (từ ĐT 741 - TBTH) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,85km	2020-2021	3125/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.900	3.000			3.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
26	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6 (từ N6 - N7), N6 (từ ĐT 741 - D5c; D6 - D9), D3e TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,78km	2020-2021	3156/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.000	2.000	-		2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
27	Xây dựng đường Tân Phú 1, D5a, D6 Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,433km	2018-2019	3427/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.300	2.000			2.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
28	Xây dựng đường N7a, N7b TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,793km	2018-2019	3431/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	12.421	1.800			1.800	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
29	Xây dựng đường N7 nối dài TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,315km	2018-2019	3432/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.820	570			570	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
30	Xây dựng đường N6 (D6-D9), D6a, D9(D6-D7) và san lấp mặt bằng khu suối Rạt TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3157/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.000	3.000	3.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
31	Xây dựng đường N4(từ ĐT741 - D7)	TTHC huyện	354m	2018-2020	3432c/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.500	700			700	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
32	Xây dựng đường kết nối từ đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng huyện Hớn Quản			2020-2023	1043/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	9.000	3.000	2.387		613	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh
33	Xây dựng đường gom TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	1,45km	2018-2019	3432F/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	11.750	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
34	Xây dựng đường D6c (từ N4a - N4)	TTHC huyện	264m	2018-2020	3432d/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.200	1.000			1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
35	Xây dựng đường D6, D5a (nối tiếp khu TĐC) TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,458km	2018-2019	3430/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	12.810	5.000			5.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
36	Xây dựng đường D5c (từ Tân Phú 1 -N6), N6 (từ D5c -D6), D6 (từ N6 - Tân Phú 1)	TTHC huyện	390m	2018-2020	3432E/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.500	200			200	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
37	San lấp mặt bằng và xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát đường D3, Tân Phú khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	TTHC huyện	1,480km	2019-2020	3379/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.341	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
38	San lấp mặt bằng và xây dựng đường nội bộ trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,755km	2020-2021	3128/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	12.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
39	San lấp mặt bằng và xây dựng đường D9, D6, D5a Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	TTHC huyện	0,593km	2018-2019	3425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.500	3.000			3.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
II.1.2	Quản lý nhà nước					74.400	8.900	22.000	16.000	2.900		
01	Xây dựng trụ sở tiếp công dân và bộ phận tiếp nhận hồ sơ Một cửa huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3165/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.000	2.000	2.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	TTHC huyện		2020-2021	3170/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
03	Xây dựng hệ thống chiếu sáng sân vườn trong khu Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3169/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
04	Xây dựng hệ thống cây xanh trong khu Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện	30.300m2	2020-2021	3167/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.000	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
05	Xây dựng hệ thống cấp thoát nước tổng thể sân vườn Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2020-2021	3168/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.000	500	-		500	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
06	Xây dựng công, hàng rào vòng quanh Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	TTHC huyện	900m	2020-2021	3166/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.400	400	-		400	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
07	Trụ sở huyện ủy, Trụ sở HĐND - UBND, Hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	TTHC Huyện		2017-2020		43.000	4.000	20.000	16.000		Ban QLDAXD huyện	Bổ sung
II.1.3	Đối ứng ngân sách tỉnh					175.000	-	24.000	24.000	-		
01	Trường cấp II, III Long Phú huyện Phú Riềng	TTHC Huyện		2019-2025	2246/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	80.000	-	15.000	15.000		UBND huyện	Bổ sung

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày , tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
02	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	Bù Nho - Phước Tân	14,939km		1174/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	95.000		9.000	9.000		UBND huyện	Bổ sung
II.1.4	Bố trí tất toán công trình	Toàn huyện						4.000	4.000		Phòng TC-KH phân khai chi tiết	
II.2	Dự án khởi công mới					103.353	28.763	31.351	10.388	7.800		
II.2.1	Công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật (Tạo quỹ đất sạch phục vụ bán đấu giá SDD)					70.190	23.600	26.200	9.400	6.800		
01	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,565km	2021-2025		8.000	3.000	4.600	1.600		Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D9 (từ D7 - km0+906,3) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,48km	2021-2025		7.000	3.000	4.000	1.000		Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, trạm biến áp khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		8.100	2.500	4.500	2.000		Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		6.700	2.000	3.500	1.500		Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	TTHC huyện		2021-2025		2.000	1.000	1.000	-	-	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng hệ thống viễn thông TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	TTHC huyện		2021-2025		1.300	1.000	800		200	Ban QLDAXD huyện	Điều chỉnh
07	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường N8 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,72km	2021-2025		14.590	4.000	-		4.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
08	San lấp mặt bằng khu suối Rát TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	TTHC huyện		2021-2025		5.000	1.500	2.800	1.300		Ban QLDAXD huyện	
09	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường gom (đoạn 2) và đường ĐT.741 TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		9.000	3.000	5.000	2.000		Ban QLDAXD huyện	
10	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D10a, D10b, D10c, D10d, D10e TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	0,67km	2021-2025		8.500	2.600			2.600	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
II.2.2	Công trình công cộng					25.000	1.000	-		1.000		
01	Xây dựng công viên - Quảng trường trung tâm huyện Phú Riềng	TTHC huyện		2021-2025		25.000	1.000	-		1.000	Ban QLDAXD huyện	Cắt giảm
II.2.3	Giải tỏa đền bù					5.000	1.000	1.988	988	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
01	Chi phí giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án mở rộng đầu tuyến Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	Bù Nho - Phước Tân		Năm 2021		5.000	1.000	1.988	988		Ban QLĐAXD huyện	Bổ sung
II.2.4	Vốn sử dụng đất phân cấp các xã			Năm 2021		3.163	3.163	3.163	-	-		
01	Xã Phú Riềng					3.163	3.163	3.163	-	-		
A3	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQGNTM					43.265	47.873	53.873	6.000	-		
I	Hỗ trợ xã về dịch nông thôn mới năm 2021					43.265	30.000	30.000	-	-		
I.1	Công trình giao thông					8.001	5.442	5.442	-	-		
01	Đường BTXM thôn 9 (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng Ngọc Lý đến nhà ông Chu Quang Hôi; Đoạn 2: Từ nhà ông Lưu Văn Giang đến nhà Văn hóa thôn 9; Đoạn 3: Từ nhà ông Ma Văn Sơn đến nhà ông Bế Văn Tảo)	Xã Long Bình	0,83km	Năm 2021		549	549	549	-	-	UBND xã Long Bình	
02	Đường BTXM thôn 4 (Từ nhà ông Thường đến hết đường)	Xã Long Bình	0,165km	Năm 2021		109	109	109	-	-	UBND xã Long Bình	
03	Đường thôn 8 (Từ nhà ông Dương Văn Tính đến nhà ông Lý A Sáng)	Xã Long Bình	0,7km	Năm 2021		463	463	463	-	-	UBND xã Long Bình	
04	Đường thôn 6 (Từ nhà ông Đặng Văn Chiến đến vườn nhà ông Văn)	Xã Long Bình	0,15km	Năm 2021		100	100	100	-	-	UBND xã Long Bình	
05	Đường BTXM thôn 5 (Đoạn 1: Từ nhà ông Thùng Lý Sáng đến ngã 3 nhà ông Dương Mập và ông Năm Tánh; Đoạn 2: Từ ngã 3 ông Năm Tánh đến nhà ông Lưu Phúc Kiên; Đoạn 3: Từ nhà ông Phạm Văn Khánh đến ngã 3 cầu Sắt)	Xã Long Bình	2,4km	Năm 2021		1.586	836	836	-	-	UBND xã Long Bình	
06	Đường BTXM thôn 2 (Đoạn 1: Từ nhà ông Phúc đến nhà ông Đề; Đoạn 2: Từ nhà ông Hào Sáu đến nhà ông Phúc)	Xã Long Bình	0,565km	Năm 2021		262	157	157	-	-	UBND xã Long Bình	
07	Đường BTXM thôn 2 (từ đường nhựa gần nhà ông Mão đi qua lô 07 và lô 49 đến vườn nhà ông Tính Lương)	Xã Long Bình	0,25km	Năm 2021		116	70	70	-	-	UBND xã Long Bình	
08	Đường BTXM thôn 4 (Từ lô cao su Nông trường 3 đến nhà ông Năm Đáng)	Xã Long Bình	0,34km	Năm 2021		226	144	144	-	-	UBND xã Long Bình	
09	Đường BTXM thôn 11 (xóm 3 từ đường nhựa qua nhà ông Ngải đến Suối)	Xã Long Bình	2,5km	Năm 2021		1.651	1.052	1.052	-	-	UBND xã Long Bình	
10	Đường BTXM thôn 4 (từ nhà ông Văn Phong đến nhà ông Lãi)	Xã Long Bình	02km	Năm 2021		1.321	842	842	-	-	UBND xã Long Bình	
11	Đường BTXM thôn 2 (từ đường nhựa qua nhà bà Lương đến nhà ông Liêm Hồng)	Xã Long Bình	0,3km	Năm 2021		198	126	126	-	-	UBND xã Long Bình	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội đồng thôn 10 (ngã 3 nhà bà Nguyễn Thị Kim Ba đến suối Thanh Niên)	Xã Long Bình	03km	Năm 2021		1.200	840	840	-	-	UBND xã Long Bình	
13	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội đồng thôn 11 (từ Ngã 3 nhà ông Ngãi đến Suối Thanh niên)	Xã Long Bình	0,55km	Năm 2021		220	154	154	-	-	UBND xã Long Bình	
I.2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo					35.264	24.558	24.558	-	-		
01	Xây dựng 14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ Trường THCS Long Tân	Xã Long Tân	14 phòng học lầu, phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		7.100	5.100	5.100	-	-	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng 08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ Trường Tiểu học Long Tân	Xã Long Tân	08 phòng học lầu, 02 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		5.100	3.100	3.100	-	-	Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng 18 phòng lầu và công trình phụ Trường Tiểu học Lê Hoàn	Xã Long Tân	18 phòng học lầu và công trình phụ	Năm 2021		9.300	5.700	5.700	-	-	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng 04 phòng chức năng và công trình phụ Trường mẫu giáo Long Tân	Xã Long Tân	04 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		1.100	1.100	1.100	-	-	Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng phòng học, Khố hiệu bộ, các hạng mục phụ, Sửa chữa phòng thư viện, thiết bị, nhà công vụ Trường tiểu học Vũ A Dính	Xã Long Bình		Năm 2021		3.500	400	400	-	-	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng phòng học, phòng Hội đồng và công trình phụ Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Xã Long Bình		Năm 2021		2.764	2.758	2.758	-	-	Ban QLDAXD huyện	
07	Xây mới 08 phòng học lầu Trường trung học cơ sở Long Bình	Xã Long Bình	08 phòng học lầu	Năm 2021		5.300	5.300	5.300	-	-	Ban QLDAXD huyện	
08	Xây dựng 01 phòng chức năng và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Long Bình	01 phòng chức năng và công trình phụ	Năm 2021		1.100	1.100	1.100	-	-	Ban QLDAXD huyện	
II	Hỗ trợ đường GTNT	Toàn huyện		Năm 2021			12.873	12.873	-	-		
III	Hỗ trợ xã về dịch nông thôn mới nâng cao						5.000	11.000	6.000	-		
01	Xã Phú Riêng	Xã Phú Riêng		Năm 2021			5.000	5.000	-	-		
02	Xã Bù Nho	Xã Bù Nho		Năm 2021				6.000	6.000			
A4	VỐN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO					3.418	3.417,5	3.417,5	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày , tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Hỗ trợ giảm 30 hộ D(BDTTS nghèo					2.248	2.248	2.248	-	-		
01	Ủy ban MTTQVN huyện					885	885	885	-	-		
1.1	Sửa chữa nhà ở					510	510	510	-	-		
1.2	Xây dựng nhà vệ sinh					375	375	375	-	-		
02	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					675	675	675	-	-		
2.1	Hỗ trợ nông cụ dụng cụ					155	155	155	-	-		
2.2	Hỗ trợ con giống					520	520	520	-	-		
03	Xã Bình Sơn					70	70	70	-	-		
3.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)					60	60	60	-	-		
3.2	Mua xe máy					10	10	10	-	-		
04	Xã Long Bình					33,5	33,5	33,5	-	-		
4.1	Nước sinh hoạt (đào giếng)					30,0	30,0	30,0	-	-		
4.2	Kéo điện (điện lưới)					3,5	3,5	3,5	-	-		
05	Xã Long Tân			Năm 2021		150	150	150	-	-		
5.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)			Năm 2021		150	150	150	-	-		
06	Xã Phước Tân			Năm 2021		280,5	280,5	280,5	-	-		
6.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)			Năm 2021		270	270	270	-	-		
6.2	Kéo điện (điện lưới)			Năm 2021		10,5	10,5	10,5	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
07	Xã Phú Trung			Năm 2021		120	120	120	-	-		
7.1	Nước sinh hoạt (giếng khoan)			Năm 2021		120	120	120	-	-		
08	Xã Long Hà			Năm 2021		33,5	33,5	33,5	-	-		
8.1	Nước sinh hoạt (Đào giếng)			Năm 2021		30	30	30	-	-		
8.2	Kéo điện (điện lưới)			Năm 2021		3,5	3,5	3,5	-	-		
II	Mô hình giảm nghèo					1.170	1.170	1.170	-	-	Phòng NV,LĐTBXH	
B	VỐN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN GIAO					-	19.000	19.000	-	-		
I	Vốn sử dụng đất phân cấp các xã						19.000	19.000	-	-		
01	Xã Phước Tân			Năm 2021			2.655,2	2.655,2	-	-		
02	Xã Long Hưng			Năm 2021			480	480	-	-		
03	Xã Long Bình			Năm 2021			440	440	-	-		
04	Xã Long Hà			Năm 2021			480	480	-	-		
05	Xã Bù Nho			Năm 2021			7.775,2	7.775,2	-	-		
06	Xã Phú Riêng			Năm 2021			3.040	3.040	-	-		
07	Xã Phú Trung			Năm 2021			480	480	-	-		
08	Xã Long Tân			Năm 2021			2.000	2.000	-	-		
09	Xã Bình Sơn			Năm 2021			849,6	849,6	-	-		
10	Xã Bình Tân			Năm 2021			800	800	-	-		